

BÊN KIA SÔNG ĐUỐNG

(Trích)

HOÀNG CẨM

TIỂU DẪN

Hoàng Cẩm (1922 – 2010) tên khai sinh là Bùi Tăng Việt, quê ở huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Ông sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo. Từ nhỏ, ông sống trong không khí dân ca – đặc biệt là dân ca quan họ, sớm có năng khiếu làm thơ và ngâm thơ.

Hoàng Cẩm gia nhập Thanh niên cứu quốc từ năm 1944. Sau Cách mạng tháng Tám, ông hăng hái hoạt động văn nghệ phục vụ kháng chiến (viết kịch và diễn kịch, sáng tác thơ). Ông tham gia quân đội từ năm 1947 đến năm 1955, từng làm đoàn trưởng Đoàn văn công Tổng cục chính trị và ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam. Hoàng Cẩm được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học và nghệ thuật năm 2007.

Tác phẩm chính : trước Cách mạng tháng Tám có các vở kịch thơ *Hận Nam Quan* (1937), *Kiều Loan* (1942), *Lên đường* (1944) ; sau Cách mạng tháng Tám có trường ca *Tiếng hát quan họ* (1956), kịch thơ *Tiếng hát Trương Chi* (1957), truyện thơ *Men đá vàng* (1989), các tập thơ *Mưa Thuận Thành* (1991), *Về Kinh Bắc* (1994),...

Bài *Bên kia sông Đuống* ra đời năm 1948. Sông Đuống còn gọi là sông Thiên Đức, là một nhánh của sông Hồng nối với sông Thái Bình, chia tỉnh Bắc Ninh ra làm hai phần : nam (hữu ngạn - "bên kia") và bắc (tả ngạn). Quê hương, gia đình Hoàng Cầm ở bờ nam sông Đuống. Khi giặc Pháp chiếm nam phần Bắc Ninh thì Hoàng Cầm đang công tác ở Việt Bắc. Một đêm giữa tháng 4 - 1948, Hoàng Cầm nghe tin giặc đánh phá quê hương mình, ông xúc động và ngay đêm ấy viết bài *Bên kia sông Đuống*. Bài thơ đăng lần đầu tiên trên báo *Cửu quốc* tháng 6 - 1948 và được phổ biến nhanh chóng từ Việt Bắc tới Khu Ba, Khu Bốn, vào miền Nam và ra tận Côn Đảo.

Bản thảo gốc của bài thơ không còn nữa. Ở đây văn bản *Bên kia sông Đuống* được chỉnh lí, khôi phục dựa trên sự đối chiếu nhiều văn bản khác nhau và trí nhớ của nhà thơ. Văn bản này được tác giả xác nhận là gần với bản gốc hơn cả. Vì bài thơ quá dài nên người biên soạn có lược một số đoạn.

*

* *

1. *Em ơi buồn làm chi*
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì

Sông Đuống trôi đi
5. *Một dòng lấp lánh*
Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì

Xanh xanh bãi mía bờ dâu
Ngô khoai biêng biếc
Đình bên này sông sao nhớ tiếc
10. *Sao xót xa như rụng bàn tay*

*

Bên kia sông Đuống
Quê hương ta lúa nếp thơm nồng
Tranh Đông Hồ⁽¹⁾ gà lợn nét tươi trong

(1) *Tranh Đông Hồ* : Đông Hồ và Bắc Hồ (tức làng Lạc Thổ) là hai thôn kề nhau bên bờ sông Đuống, nay hợp nhất gọi là Song Hồ. Đông Hồ nổi tiếng về nghề vẽ tranh dân gian ngày Tết : tranh gà lợn, đám cưới chuột, húng dứa, đánh ghen, tranh các anh hùng thời xưa, v.v. nét vẽ vui nhộn, hóm hỉnh, màu sắc tươi tắn, trong sáng.

- Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp⁽¹⁾
15. *Quê hương ta từ ngày khủng khiếp*
Giặc kéo lên ngàn ngọn lửa hung tàn
Ruộng ta khô
Nhà ta cháy
Chó ngo⁽²⁾ một đàn
20. *Lưỡi dài lê sắc máu*
Kiệt cùng ngõ thẳm bờ hoang
Mẹ con đàn lợn âm dương⁽³⁾
Chia lìa đôi ngả
Đám cưới chuột⁽⁴⁾ đang tưng bừng rộn rã
25. *Bây giờ tan tác về đâu*
- Ai về bên kia sông Đuống*
Cho ta gửi tấm the đen
Mấy trăm năm thấp thoáng mộng bình yên⁽⁵⁾
Những hội hè đình đám
30. *Trên núi Thiên Thai⁽⁶⁾*
Trong chùa Bát Tháp⁽⁷⁾
Giữa huyện Lang Tài⁽⁸⁾
Giá về may áo cho ai
Chuông chùa vẳng vẳng nay người ở đâu
35. *Những nàng môi cắn chỉ quết trâu*
Những cụ già phơ phơ tóc trắng

(1) *Giấy điệp* : giấy vẽ tranh của làng Hồ là loại giấy dó, dày và dai, quét điệp (một chất liệu chế tạo bằng bột vỏ điệp (giống như loài hến), hoà với chất keo, màu trắng tinh nổi cát óng ánh).

(2) *Chó ngo* : chó dại.

(3) *Đàn lợn âm dương* : làng Hồ thường vẽ tranh lợn có xoáy âm dương xanh đỏ – tượng trưng loại lợn giống tốt, hay ăn chóng lớn. Ngày Tết, người ta treo tranh lợn âm dương để mong chăn nuôi phát đạt.

(4) *Đám cưới chuột* : một đề tài tranh Đông Hồ.

(5) Có bản chép : "Mấy trăm năm ước hẹn tình duyên - Tiếng trống hội làng giục giã".

(6) *Núi Thiên Thai* : thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

(7) *Chùa Bát Tháp* : thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(8) *Huyện Lang Tài* : nay là huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

*Những em sột soạt quần nâu
Bây giờ đi đâu về đâu*

- Ai về bên kia sông Đuống*
40. *Có nhớ từng khuôn mặt búp sen⁽¹⁾
Những cô hàng xén răng đen
Cười như mùa thu toả nắng
Chợ Hồ, chợ Sủi⁽²⁾ người đưa chen
Bãi Trâm Chi⁽³⁾ người giăng tơ nghẽn lối*
45. *Những nàng dệt sợi
Đi bán lụa màu
Nhìn người thợ nhuộm
Đồng Tỉnh, Huế Cầu⁽⁴⁾
Bây giờ đi đâu về đâu*
50. *Bên kia sông Đuống
Mẹ già nua còm cõi gánh hàng rong
Dầm miến cau khô
Mấy lọ phẩm hồng
Vài thếp giấy đầm hoen sương sớm*
55. *Chợt lũ quỳ mắt xanh tròng trợn
Khua giày đinh đập gậy quán gậy teo
Xi xô cướp bóc
Tan phiên chợ nghèo
Lá đa lác đác trước lầu*
60. *Vài ba vết máu loang chiêu mùa đông*

(1) *Khuôn mặt búp sen* : hình ảnh ví von gọi trí tưởng tượng của người đọc về vẻ đẹp xinh, dịu dàng, tươi tắn và thanh quý của khuôn mặt những cô gái Bắc Ninh.

(2) *Chợ Hồ, chợ Sủi* : chợ Hồ thuộc xã Song Hồ, chợ Sủi cũng ở bờ nam sông Đuống, trước thuộc huyện Thuận Thành, Bắc Ninh, nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(3) *Bãi Trâm Chi* : thuộc địa phận làng Trâm Chi, xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. Làng Trâm Chi ở cạnh chùa Dầu, có nghề tơ tằm xe chỉ. Có bản chép : "Cổng chùa Dầu tơ hồng giăng nghẽn lối" gọi không khí vắng lặng, lạc hẳn với chủ đề đoạn thơ.

(4) *Đồng Tỉnh, Huế Cầu* : hai thôn liền kề (Đồng Tỉnh, Xuân Cầu tức Huế Cầu) thuộc xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, xưa thuộc Bắc Ninh, nay thuộc Hưng Yên, cũng ở "bên kia" sông Đuống. Đồng Tỉnh, Huế Cầu là những làng nghề nổi tiếng. Ca dao : "Ai lên Đồng Tỉnh, Huế Cầu - Đồng Tỉnh bán thuốc, Huế Cầu nhuộm thắm".

- Chưa bán được một đồng
 Mẹ già lại quấy gánh hàng rong
 Bước cao thấp bên bờ tre hun hút
 Có con cò trắng bay vùn vụt
65. *Lướt ngang dòng sông Đuống về đâu*
 Mẹ ta lòng đói dạ sầu
 Đường trơn mưa lạnh mái đầu bạc phơ
- Bên kia sông Đuống*
 Ta có đàn con thơ
70. *Ngày tranh nhau một bát cháo ngô*
 Đêm lúu rúu chui gấm giuttong tránh đạn
 Lấy mệt quấy tròn
 Tường làm tổ ấm
 Trong giấc thơng ngây, tiếng súng đồn tựa sấm
75. *Ú ó con mè*
 Thon thót giắt mình
 Bóng giặc giày vò những nét môi xinh
- Đã có đất này chép tội*
 Chúng ta không biết người hờn
 [...]

Việt Bắc, tháng 4 - 1948

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Qua ba khổ thơ đầu (từ câu 1 đến câu 10), anh (chị) hình dung toàn cảnh "bên kia sông Đuống" nhìn từ "bên này" như thế nào? Anh (chị) tưởng tượng như thế nào về hình ảnh sông Đuống "Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì"? Phân tích tâm trạng nhà thơ qua hình ảnh so sánh "Sao xót xa như rụng bàn tay".
2. Từ câu 11 đến hết đoạn trích, niềm thương mến và nỗi đau đớn, xót xa của nhà thơ biểu hiện như thế nào qua những hình ảnh và giọng thơ khi nói đến những giá trị văn hoá, vẻ đẹp cổ truyền, sinh hoạt yên bình và những con người thân yêu trên quê hương bị giặc tàn phá, đày đoạ? Niềm thương xót của nhà thơ chủ yếu hướng về những nhân vật nào? Vì sao? Điệp khúc "đi đâu, về đâu" gọi cho anh (chị) cảm xúc gì?

3. Bài thơ chỉ nói về một vùng quê cụ thể nhưng đã động tới tình quê hương của mọi người Việt Nam. Hãy giải thích vì sao.
4. Anh (chị) thích những câu thơ, những hình ảnh nào trong bài thơ ? Hãy phân tích nội dung và nghệ thuật của những câu thơ, những hình ảnh ấy.

DỌN VỀ LÀNG

NÔNG QUỐC CHẤN

TIỂU DẪN

Nông Quốc Chấn (1923 - 2002) tên khai sinh là Nông Văn Quỳnh, dân tộc Tày, quê ở huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Cạn. Từ năm 1942, ông tham gia phong trào Thanh niên cứu quốc ở địa phương và bắt đầu làm thơ bằng tiếng Tày. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Nông Quốc Chấn hoạt động ở tỉnh, tham gia Tỉnh uỷ tỉnh Bắc Cạn và thơ ông bắt đầu được biết đến rộng rãi. Ông từng là Giám đốc Sở Văn hoá và Chủ tịch Hội Văn nghệ Khu Việt Bắc, Thứ trưởng Bộ Văn hoá – Thông tin, Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá Hà Nội, Chủ tịch Hội Văn hoá văn nghệ các dân tộc thiểu số Việt Nam. Nông Quốc Chấn được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật năm 2000.

Tác phẩm chính : các tập thơ *Việt Bắc đánh giặc* (1948), *Tiếng ca người Việt Bắc* (1959), *Đèo giò* (1968), *Dòng thác* (1977), *Suối và biển* (1984).

Nông Quốc Chấn là một trong những nhà thơ tiêu biểu của các dân tộc thiểu số. Với cách diễn đạt giản dị, tự nhiên, giàu hình ảnh, thơ ông thể hiện những vẻ đẹp và sự đổi thay của cuộc sống, con người miền núi trong cách mạng.

Bài thơ *Dọn về làng* (nguyên văn bằng tiếng Tày, tác giả tự dịch ra tiếng Việt) được sáng tác năm 1950, sau thắng lợi của chiến dịch Biên giới (còn gọi là chiến dịch Cao – Lạng hay Cao – Bắc – Lạng) cuối năm 1950. Chiến dịch Biên giới của quân và dân ta đã đập tan hệ thống đồn, bốt của quân Pháp trên phòng tuyến biên giới dọc theo đường số Bốn, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn,...

Bài thơ *Dọn về làng* được giải thưởng tại Đại hội liên hoan thanh niên, sinh viên thế giới ở Béc-lin (Đức) năm 1951 và được đưa vào tuyển tập *Thơ Việt Nam 1945 - 1956*.

*
* *
*

1. *Mẹ ! Cao - Lạng hoàn toàn giải phóng
Tây bị chết bị bắt sống hàng đàn
Vệ quốc quân chiếm lại các đồn
Người đông như kiến, súng đầy như củi*
5. *Sáng mai về làng, sửa nhà phát cỏ
Cày ruộng vườn, trồng lúa ngô khoai

Mấy tháng năm qua quên tết tháng giêng, quên rằm tháng bảy
Chạy hết núi khe, cay đắng đủ mùi
Nhớ một hôm mịt mù mưa rơi*
10. *Con gió bão trên rừng cây đổ
Con sấm sét lán sụp xuống nát cửa
Đường đi lại vất bắm dây chân.

Súng nổ kia ! Giặc Tây lại đến lưng
Tùng cái lán, nó đốt đi trơ trụi,*
15. *Nó vét hết áo quần trong túi,
Mẹ dịu em chạy tót lên rừng
Lần đi trước, mẹ vẫy con sau lưng
Tay dắt bà, vai đeo đầy tay nải⁽¹⁾
Bà bị loà mắt không biết lối bước đi.*
20. *Làm sao bây giờ ? Ta phải chống,
Giặc đã bắt cha con đi, nó đánh
Cha chủ Việt gian, cha đánh lại Tây
Súng liến nổ ngay cùng một loạt
Cha ngã xuống nằm trên mặt đất*

(1) *Tay nải* : túi vải có quai đeo, dùng để đựng đồ mang đi đường.

25. *Cha ơi ! Cha không biết nói rồi...
 Chúng con còn thơ, ai dạy nuôi
 Không ai chống gậy khi bà cụ qua đời !
 Mẹ ngồi khóc con cúi đầu cũng khóc
 Sợ Tây nghe, mẹ dỗ "nín", con im*
30. *Lán anh em rải rác không biết nơi tìm
 Không ván, không người đưa cha đi chôn cất
 Mẹ tháo khăn phủ mặt cho chồng
 Con cởi áo liệm thân cho bố,
 Mẹ con ấm cha đi nằm ở chân rừng*
35. *Máu đầy tay, nước tràn đầy mặt...
 Mày sẽ chết ! Thằng giặc Pháp hung tàn
 Băm xương thịt mày, tao mới hả !
 Hôm nay Cao - Bắc - Lạng cười vang
 Dọn lán, rời rừng, người xuống làng*
40. *Người nói cỏ lay trong rừng rậm
 Cuộc đất dọn cỏ mẹ khuyên con
 Đường cái kêu vang tiếng ò tò
 Trong trường riu rít tiếng cười con trẻ
 Mờ mờ khói bếp bay trên mái nhà lá*
45. *Từ nay không ngáp cỏ lối đi
 Hồ không dám đến để con trong vườn chuối
 Quả trong vườn không lo tự chín, tự rụng
 Ruộng sẽ không thành nơi máu chảy từng vũng
 Mặt trời lên ! Sáng rõ rồi mẹ ạ !*
50. *Con đi bộ đội, mẹ ở lại nhà
 Giặc Pháp, Mĩ còn giết người, cướp của trên đất ta
 Đuổi hết nó đi, con sẽ về trông mẹ.*

Mùa đông, 1950

(Tuyển tập *Nông Quốc Chấn*,
 NXB Văn học, Hà Nội, 1988)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài thơ là lời của người con nói với mẹ. Cách phát ngôn trữ tình ấy có tác dụng như thế nào trong việc biểu hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ ?
2. Ngoài đoạn mở đầu và bốn câu kết thúc, bài thơ có hai phần chính. Hãy nêu nội dung chính của mỗi phần và nhận xét về cách kết cấu của bài thơ.
3. Ở đoạn thơ từ câu 7 đến câu 37, tình cảnh của nhân dân dưới ách giặc Pháp được thể hiện cụ thể và thấm thía trong nỗi đau thương của một gia đình. Phân tích các chi tiết, sự việc được tả và kể trong đoạn thơ để làm rõ tình cảnh ấy.
4. Cảnh quê hương được giải phóng và niềm vui của người dân được thể hiện sinh động như thế nào trong những hình ảnh, chi tiết, giọng điệu của đoạn thơ từ câu 38 đến câu 48 ? Hãy chỉ ra sự đối lập về cảm xúc, hình ảnh, giọng điệu giữa đoạn thơ này với đoạn trước đó.
5. Nêu và nhận xét về bản sắc dân tộc miền núi trong cách xây dựng hình ảnh, sử dụng ngôn ngữ của bài thơ.